

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN
BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018
(Kèm theo Công văn số: **23** /SNgV-VP ngày **26** tháng 4 năm 2018)

I. Tình hình chung:

- Khái quát về tình hình chính trị, an ninh, kinh tế quốc tế, khu vực và trong nước 6 tháng đầu năm 2018 có tác động đến địa phương/ hoặc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Đánh giá kết quả hoạt động đối ngoại đến thời điểm báo cáo và dự kiến hoạt động đối ngoại 6 tháng cuối năm 2018.

II. Kết quả triển khai công tác đối ngoại 6 tháng đầu năm 2018:

1. Công tác tổ chức và quản lý Đoàn ra/Đoàn vào

Đề nghị làm rõ:

(i) Số lượng đoàn ra tính đến hết ngày 20/5/2018 và dự kiến 6 tháng cuối năm 2018 (số lượng đoàn sử dụng NSNN, số lượng đoàn phía Bạn đài thọ...), số thành viên đoàn cụ thể là bao nhiêu, tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017;

(ii) Số lượng đoàn vào tính đến hết ngày 20/5/2018 và dự kiến 6 tháng cuối năm 2018 (số lượng đoàn cấp cao, các đoàn đến làm việc với các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh (không qua Sở Ngoại vụ hỗ trợ thủ tục);

(iii) Tình hình thực hiện Chỉ thị 38 của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, chủ động cắt giảm đoàn đi công tác nước ngoài (tăng/giảm) tại CV số 1057/VPCP-QHQT ngày 13/12/2013.

2. Công tác tổ chức và quản lý các thỏa thuận quốc tế do địa phương ký kết

- Các thỏa thuận ký mới, số lượng thỏa thuận tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017 (Theo Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội);

- Tình hình triển khai các thỏa thuận đã ký.

- Thỏa thuận dự kiến sẽ ký trong 6 tháng cuối năm 2018 (nếu có)

3. Công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế

Đề nghị làm rõ:

(i) Số lượng hội nghị, hội thảo quốc tế tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017;

(ii) Đánh giá kết quả hội nghị, hội thảo; tình hình quản lý hội nghị, hội thảo tại đơn vị (ưu điểm, hạn chế);

(iii) Những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh trong hội nghị, hội thảo đã hoặc chưa được xử lý (nếu có).

4. Công tác ngoại giao kinh tế

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại quốc tế;

- Kết quả hoạt động kinh tế đối ngoại tính đến hết ngày 20/5/2018:

(i) Giá trị xuất khẩu: tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017;

- (ii) Giá trị nhập khẩu: tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017;
- (iii) Tình hình thu hút FDI và ODA 6 tháng đầu năm 2018, tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017;
- (iv) Tình hình các doanh nghiệp của địa phương đầu tư ra nước ngoài (nếu có)
 - Tiến độ triển khai các dự án (có đầu tư của nước ngoài): vướng mắc, hướng giải quyết.
 - Cập nhật tình hình triển khai Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.
 - Cập nhật tình hình triển khai Nghị quyết 22-NQ/TW về Hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 31/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW về Hội nhập quốc tế; trọng tâm hoạt động đối ngoại và triển khai Hội nhập quốc tế 6 tháng đầu năm 2018, nêu rõ những thuận lợi, khó khăn của địa phương; những ngành, lĩnh vực sản xuất của địa phương đã và đang chịu tác động của quá trình Hội nhập quốc tế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp.

5. Công tác vận động và quản lý viện trợ Phi chính phủ nước ngoài (PCPNN)

- Số lượng và giá trị các dự án mới của Tổ chức PCPNN triển khai tại địa phương tính đến hết ngày 20/5/2018 và dự kiến 6 tháng cuối năm 2018; số tổ chức đã có Giấy đăng ký/chưa có Giấy đăng ký hiện nay đang triển khai hợp tác: **(Mẫu 4)**
- Kết quả triển khai dự án của tổ chức PCPNN: tỉ lệ tăng/giảm về số lượng và giá trị các dự án so với cùng kỳ năm 2017;
 - Đánh giá thuận lợi, khó khăn; giá trị và hiệu quả các dự án.
 - Thống kê các dự án viện trợ phi chính phủ đã tiếp nhận trong năm tính đến hết ngày 20/5/2018 và dự kiến tiếp nhận 6 tháng cuối năm 2018 **(Mẫu 4)**.

6. Công tác văn hóa đối ngoại

- Công tác phối hợp trong quá trình xây dựng, đệ trình, vận động cho các hồ sơ trình UNESCO; công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản; tham dự hội nghị, hội thảo trong khuôn khổ UNESCO.
 - Các hoạt động thúc đẩy, gắn kết ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế; quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam; tổ chức các lễ hội, festival quốc tế; đón đoàn ngoại giao thăm, làm việc và tham gia các hoạt động văn hóa; phối hợp tổ chức các sự kiện ngoại giao văn hóa trong và ngoài nước.
 - Tổ chức giảng dạy, cập nhật nâng cao kiến thức ngoại giao văn hóa cho lãnh đạo, cán bộ đối ngoại địa phương.
 - Xác định các yếu tố giao lưu văn hóa ở địa phương với các nước khác trong và ngoài khu vực.
 - Việc thực hiện kế hoạch hành động triển khai Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020.

7. Công tác thông tin đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương

(i) Đánh giá công tác quản lý, tranh thủ phóng viên nước ngoài:

- Công tác phối hợp triển khai Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại địa phương và Thông tư số 06/2012/TT-BNG ngày 10/12/2012 của Bộ Ngoại giao về việc ban hành biểu mẫu triển khai thực hiện một số Điều của Nghị định 88.

- Trong giải quyết các đề nghị của phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí tại địa phương; những điểm cần lưu ý khi phối hợp xử lý phóng viên nước ngoài và khi phóng viên nước ngoài đến tác nghiệp tại địa phương; thống kê số đoàn, số phóng viên và nội dung hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương.

(ii) Đánh giá công tác thông tin đối ngoại:

- Công tác phối hợp giữa địa phương với Bộ Ngoại giao trong thông tin tuyên truyền đối ngoại; quảng bá địa phương; giải thích, vận động, đấu tranh dư luận, đặc biệt khi có các vụ việc xảy ra tại địa phương.

- Trong đào tạo, bồi dưỡng về công tác thông tin đối ngoại, kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, trả lời phỏng vấn báo chí, xử lý khủng hoảng... cho cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại tại địa phương.

(iii) Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa địa phương với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại, tuyên truyền quảng bá địa phương.

(iv) Đánh giá hiệu quả tăng cường thông tin quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam tại địa phương; giới thiệu cơ hội đầu tư, tiềm năng hợp tác phát triển kinh tế của địa phương.

(v) Định hướng một số nội dung trọng tâm trong công tác thông tin đối ngoại địa phương cần tăng cường, thông qua kênh phóng viên nước ngoài trong 6 tháng cuối năm 2018.

8. Công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia

(i) *Biên giới đất liền với Lào:*

* Tình hình chung:

- Tình hình ở khu vực biên giới của tỉnh Salavan và Sê Kông (hoạt động của các đối tượng, hoạt động đầu tư nước ngoài, quản lý biên giới của phía bạn, ...)

- Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới đất liền tỉnh Thừa Thiên Huế (tình hình xã hội, đoàn khách vào khu vực biên giới, tôn giáo).

* Kết quả công tác biên giới:

- Quan hệ hợp tác hữu nghị, trao đổi tình hình biên giới với các lực lượng chức năng của tỉnh Salavan và Sê Kông.

- Công tác quản lý, bảo vệ biên giới:

+ Tuyên truyền các quy định pháp luật về biên giới đất liền của Việt Nam và Hiệp định quy chế biên giới Việt Nam - Lào.

+ Công tác tuần tra, kiểm soát ở khu vực biên giới đất liền gồm tuần tra đơn phương và tuần tra song phương giữa tỉnh Thừa Thiên Huế với tỉnh Salavan và Sê Kông.

+ Thực hiện Hiệp định quy chế biên giới Việt Nam – Lào.

- Về công tác hợp tác phát triển kinh tế thương mại khu vực biên giới, cửa khẩu và quản lý cửa khẩu và một số vấn đề liên quan khác:

+ Hoạt động lưu thông ở khu vực biên giới và cửa khẩu Hồng Vân và A Đót như: Xuất nhập cảnh của người và phương tiện qua 02 cửa khẩu, kim ngạch thương mại hàng hóa xuất nhập khẩu qua 02 cửa khẩu.

+ Công tác hỗ trợ ở khu vực biên giới đối với 02 tỉnh giáp biên Salavan và Sê Kông.

+ Công trình xây dựng ở khu vực biên giới đất liền.

- Việc tìm kiếm, cất bốc, hồi hương mộ liệt sĩ Việt Nam hy sinh tại Lào; hoạt động của Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán, các tổ chức PCPNN tại địa phương; hợp tác với các tỉnh biên giới Việt – Lào; hợp tác tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia;

- Báo cáo tình hình triển khai Đề án Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Lào về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam – Lào;

- Tình hình tổng hợp danh sách người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam – Lào; tình hình triển khai tập huấn, tuyên truyền về công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới biên giới Việt Nam – Lào.

* Khó khăn, tồn tại: Nêu những khó khăn tồn tại trong thời gian qua cũng như đề xuất các giải pháp.

(ii) Biên giới biển:

* Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới biển tỉnh Thừa Thiên Huế (tình hình xã hội, đoàn khách vào khu vực biên giới, tôn giáo, tàu nước ngoài xâm phạm chủ quyền, trật tự an toàn trên biển,).

* Kết quả công tác biên giới:

- Công tác tuần tra, kiểm soát trên biển.

- Công tác hợp tác phát triển kinh tế thương mại khu vực biên giới, cửa khẩu:

+ Hoạt động lưu thông ở khu vực biên giới và cửa khẩu cảng Chân Mây và Lăng Cô như: Xuất nhập cảnh của người và phương tiện qua 02 cửa khẩu cảng, kim ngạch thương mại hàng hóa xuất nhập khẩu qua 02 cửa khẩu cảng.

+ Công trình xây dựng ở khu vực biên giới biển.

- Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ biển tại địa phương;

- Vấn đề quản lý tàu cá, ngư dân, chính sách khuyến khích và đãi ngộ ngư dân đánh bắt xa bờ, tình trạng tàu cá/ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài (so sánh tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017).

- Hoạt động đối ngoại và phối hợp với các cơ quan Trung ương trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, bao gồm cả hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong công tác này;

- Tình hình sưu tầm, tìm kiếm tài liệu và chứng cứ lịch sử khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở địa phương;

- Kế hoạch tìm kiếm, cất bốc, hồi hương mộ liệt sĩ trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa;

- Công tác tập huấn, tuyên truyền pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ quyền biển, đảo;

- Tình hình hợp tác quốc tế (hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài, hợp tác trong lĩnh vực tàu thuyền, đánh bắt ...); việc triển khai các Đề án, dự án liên quan đến biển đảo có yếu tố nước ngoài; tình trạng tàu cá/ngư dân nước ngoài vi phạm vùng biển của ta triển khai các hoạt động trái phép; quản lý, kiểm soát việc phát hành, lưu hành các ấn phẩm, sản phẩm có nội dung nhạy cảm về biển đảo có thể ảnh hưởng đến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta về chủ quyền biển đảo.

* Khó khăn, tồn tại: Nêu những khó khăn tồn tại trong thời gian qua cũng như đề xuất các giải pháp.

9. Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân

- Tình hình công dân địa phương vi phạm pháp luật nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2018 (số lượng công dân xuất cảnh, cư trú và lao động trái phép tại nước ngoài); số liệu công dân nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam, bị đưa ra xét xử, thi hành án và hoạt động thăm lãnh sự của cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam; công tác bảo hộ ngư dân ta bị lực lượng chức năng của nước ngoài bắt giữ, xét xử.

- Các hoạt động phối hợp ứng phó thảm họa thiên tai, cứu hộ, cứu nạn hoặc xử lý các tình huống lãnh sự khẩn cấp xảy ra đối với công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài.

- Cơ chế trao đổi thông tin và giải quyết việc cấp phép cho người nước ngoài vào khu vực biên giới giữa Công an tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh và Sở Ngoại vụ (nêu rõ số lượng đoàn, mục đích vào khu vực biên giới, đánh giá số lượng tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017).

- Công tác hướng dẫn, tuyên truyền và triển khai việc thực hiện pháp luật liên quan đến công tác lãnh sự và bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

10. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

- Tình hình, số lượng và hoạt động của kiều bào đang sinh sống, đầu tư, kinh doanh, hợp tác nghiên cứu văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, thăm thân, du lịch tại địa phương (tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2017, nguyên nhân); nghiên cứu, đánh giá số lượng kiều bào là người địa phương hiện đang sinh sống ở nước ngoài.

- Thông tin về các dự án của kiều bào tại địa phương (số lượng, quy mô, số vốn, lĩnh vực hoạt động...).

- Thông tin về Hội thân nhân kiều bào, Hội liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương (tên gọi, tôn chỉ, mục đích, số lượng hội viên, địa chỉ, ngày thành lập, các hoạt động...).

- Các hoạt động dành cho kiều bào do địa phương tổ chức.

- Công tác liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương (giải quyết khiếu kiện, tố cáo, khen thưởng, các lĩnh vực lãnh sự, tư pháp khác...).

- Thông tin về người Việt Nam có công đang định cư ở nước ngoài.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến cho kiều bào và thân nhân kiều bào về đất nước, địa phương; vận động kiều bào và thân nhân kiều bào về tham gia đóng góp phát triển quê hương.

- Hỗ trợ doanh nhân, trí thức kiều bào về đầu tư, làm việc tại địa phương, đặc biệt là việc đơn giản hóa thủ tục hành chính.

11. Công tác đối ngoại nhân dân

12. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh đã tặng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích xuất sắc được địa phương công nhận trong 6 tháng đầu năm 2018 (theo **Mẫu 2A**); **Các hình thức khen thưởng của nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài** tặng cho tập thể, cá nhân tại địa phương trong 6 tháng đầu năm 2018 (theo **Mẫu 2B**)

13. Kết quả triển khai thực hiện các Quy chế, Chỉ thị của Bộ Chính trị và Ban Bí thư

- Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/1/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về việc ban hành Quy chế Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại;

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về hội nhập quốc tế;

- Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 21/7/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài;

- Kết luận số 98-KL/TW ngày 28/6/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU của Ban Bí thư khóa IX về công tác PCPNN;

- Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới;

- Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 06/7/2011 của Ban Bí thư khóa XI về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.

Trong đó, nhấn mạnh việc quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách đối ngoại của Trung ương tại địa phương, chế độ thỉnh thị, báo cáo duyệt nhân sự các cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị/Ban Bí thư quản lý đi nước ngoài; việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác đối ngoại.

III. Khó khăn vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp, kiến nghị để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại của địa phương

Cần làm rõ các điểm sau:

- Những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai công tác đối ngoại ở địa phương, những mặt làm được và chưa làm được.
- Nguyên nhân: chủ quan/khách quan.
- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.
- Những kiến nghị, đề xuất cụ thể tới Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương và các Ban, Bộ, ngành khác (yêu cầu nêu cụ thể, tránh nêu chung chung).

IV. Kế hoạch công tác đối ngoại 6 tháng cuối năm 2018:

1. Dự báo về tình hình chính trị, an ninh, kinh tế quốc tế và khu vực 6 tháng cuối năm 2018 có thể tác động đến địa phương.
2. Nêu rõ các trọng tâm, nội dung, kế hoạch chính; các biện pháp, giải pháp thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2018; các nhiệm vụ đối ngoại đặt ra với địa phương trong giai đoạn hội nhập mới.
3. Các vấn đề cần sự hỗ trợ của Bộ Ngoại giao trong 6 tháng cuối năm 2018.

Tỉnh, thành phố:

BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐOÀN RA 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

TT	Tên đoàn	Danh nghĩa đoàn	Trưởng đoàn	Số thành viên	Đến nước	Đội tác làm việc	Nội dung hoạt động	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Ghi chú
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	
2											
...											

Lưu ý: Đề nghị ghi chú rõ

- Đoàn ra do các đ/c Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy; các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh làm Trưởng đoàn;
- Đoàn ra do lãnh đạo các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy và các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; lãnh đạo các cơ quan, tổ chức thuộc HDND tỉnh; lãnh đạo các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh; các địa phương; các tổ chức; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh làm Trưởng đoàn.

(Sau khi tổng hợp, xin gửi trước bản mềm Mẫu 1 này theo địa chỉ email: ndnhon.sngv@thuatienhue.gov.vn)

1. Tên đoàn: Đoàn của cơ quan nào, cấp nào
2. Danh nghĩa đoàn: Ghi rõ là đoàn đối ngoại, nghiên cứu, thăm nội bộ, đào tạo, nghiệp vụ...
3. Trưởng đoàn: Ghi rõ họ tên, chức vụ của đồng chí Trưởng đoàn
4. Số thành viên: Ghi rõ số lượng thành viên dự kiến tham gia đoàn
5. Đến nước: Ghi đầy đủ tên các nước đến công tác theo lộ trình
6. Đối tác làm việc: Ghi rõ những đối tác chính dự kiến làm việc
7. Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính
8. Số ngày: Tổng số thời gian chuyển đi, kể cả thời gian đi - về và quá cảnh
9. Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể đến tháng
10. Nguồn kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, kinh phí lấy từ nguồn nào; phía đối tác chi những khoản nào

Mẫu 2A

Tỉnh, thành phố:

**BẢNG TỔNG HỢP HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CẤP TỈNH CHO TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI,
NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

STT	Hình thức khen thưởng	Tên tập thể/cá nhân nhận khen thưởng	Quốc tịch	Thành tích	Thời gian trao khen thưởng	Ghi chú
1						
2						

Lưu ý: Sau khi tổng hợp, xin gửi trước bản mềm Mẫu 2A này theo địa chỉ email: ndhnhon.sngv@thuathienhue.gov.vn

Mẫu 2B

**BẢNG TỔNG HỢP HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẶNG CHO
TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN TẠI ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

STT	Hình thức khen thưởng	Tên nhà nước/tổ chức/cá nhân trao khen thưởng	Tên tập thể/cá nhân nhận danh hiệu	Thành tích	Thời gian trao khen thưởng	Ghi chú
1						
2						

Lưu ý: Sau khi tổng hợp, xin gửi trước bản mềm Mẫu 2B này theo địa chỉ email: ndhnhon.sngv@thuathienhue.gov.vn

Tỉnh, thành phố:

**DANH MỤC THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ
ĐÃ TIẾP NHẬN TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 VÀ DỰ KIẾN TIẾP NHẬN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

1. Tình hình quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN 6 tháng đầu năm 2018

a. Hoạt động của các tổ chức PCPNN trong hợp tác với các đối tác thuộc trách nhiệm quản lý:

Stt	Tên tổ chức PCPNN	Thời gian đoàn địa bàn/cơ quan thuộc sự quản lý	Danh sách khách	Đối tác Việt Nam làm việc với tổ chức PCPNN	Nội dung làm việc	Kết quả

b. Công tác phối hợp, quản lý liên ngành đối với hoạt động hợp tác của các tổ chức PCPNN:

- (i) Tình hình phối hợp giữa các cơ quan/đơn vị chuyên ngành trong Ban Công tác PCPNN tại địa phương (hoặc đơn vị chuyên trách hợp tác với các tổ chức PCPNN tại bộ, ngành):
- (ii) Cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức.

2. Tình hình tiếp nhận và quản lý viện trợ PCPNN trong 6 tháng đầu năm 2018

a. Danh mục và thông tin về các dự án đang hợp tác với các tổ chức PCPNN:

Stt	Tên cá nhân/tổ chức PCPNN tài trợ	Quốc tịch	Tên dự án/khoản viện trợ phi dự án	Số văn bản phê duyệt theo ND 93/2009/NĐ-CP)	Thời gian triển khai	Lĩnh vực (*)	Chi tiết lĩnh vực (**)	Huyện	Đội tác Việt Nam	Tên Giám đốc/dòng Giám đốc BQLDA	Tổng giá trị dự án	Giá trị giải ngân năm 2018	Giá trị giải ngân lũy kế	So sánh với cùng kỳ 2017	Kết quả, tác động của dự án
1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.	9.	10.	11.	12.	13.	14.	15.	16.

- Ghi chú: (*), (**), xin xem nội dung giải thích đính kèm

b. Đánh giá về công tác phối hợp với các tổ chức PCPNN trong điều hành các dự án triển khai trên địa bàn (hoặc với cơ quan chịu sự quản lý):

3. Các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị

Lưu ý: Sau khi tổng hợp, xin gửi trước bản mềm Mẫu 4 này theo địa chỉ email: htql.sngv.hue@gmail.com

Giải thích từ ngữ:

(*), (**): *Phân loại theo 07 nhóm lĩnh vực chính và các lĩnh vực chi tiết sau:*

<p>1- Y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Xây dựng kết cấu hạ tầng y tế b. Sức khỏe sinh sản c. Nước sạch và vệ sinh d. Khám chữa bệnh miễn phí e. Giáo dục-đào tạo về y tế f. Dinh dưỡng g. Cung cấp trang thiết bị y tế h. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng i. Phòng chống dịch bệnh 	<p>2- Xây dựng năng lực tổ chức và hỗ trợ tư pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Xây dựng năng lực tổ chức b. Hỗ trợ tư pháp c. Vận động chính sách 	<p>3- Tài nguyên – môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Giáo dục, truyền thông về môi trường b. Biến đổi khí hậu c. Bảo vệ môi trường d. Bảo vệ động vật hoang dã
<p>4- Phát triển kinh tế - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tái chính vi mô b. Phát triển ngành nghề truyền thống c. Phát triển nông thôn tổng hợp d. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp e. Nghiên cứu giảm nghèo 	<p>5- Giải quyết các vấn đề xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Phòng chống buôn bán người b. Người khuyết tật c. Khắc phục hậu quả chiến tranh d. HIV/AIDS e. Giới và bình đẳng giới f. Dạy nghề và tạo việc làm g. Bảo trợ xã hội 	<p>6- Giáo dục-đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Xây dựng hạ tầng giáo dục b. Tăng cường chất lượng giáo dục c. Giáo dục đặc biệt d. Cấp học bổng (trong nước) e. Đào tạo ngoài nước/tin học f. Đào tạo giáo viên g. Đào tạo ở nước ngoài h. Trao đổi giáo dục
<p>7- Các lĩnh vực khác</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Viện trợ khẩn cấp b. Viện trợ cá nhân c. Văn hóa, thông tin, truyền thông d. Tình nguyện viên <p>Phòng ngừa thảm họa</p>		